BÁO CÁO CHƯƠNG TRÌNH MỞ RỘNG QUY MÔ VỆ SINH VÀ NƯỚC SẠCH NT DỰA TRÊN KẾT QUẢ

TỈNH TUYÊN QUANG

GIAI ĐOẠN CHƯƠNG TRÌNH:NĂM 2019

I. TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN CHỈ SỐ GIẢI NGÂN

BẢNG I-1:TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN CHỈ SỐ GIẢI NGÂN CỦA TỈNH		
DLI	**Mục tiêu**	**Kết quả đạt được**
DLI 1.1Kế hoạch Truyền thông Thay đổi Hành vi đã phê duyệt được thực hiện ở tỉnh	**1**	**1**
DLI 1.2Số Xã mới đạt được Vệ sinh toàn xã	**24**	**18**
DLI 1.3Số Đấu nối Cấp nước tới hộ gia đình được cải tạo hay mới xây dựng đang hoạt động	**3500**	**2.678**
DLI 2.1 Số hộ gia đình trong Tỉnh có Hệ thống Nước Bền vững	**1260**	**1260**
DLI 2.2 Số Xã đã đạt được tình trạng Vệ sinh Toàn xã cách đây 2 năm dương lịch, nơi tất cả các mẫu giáo, trường tiểu học và trung học và trung tâm y tế duy trì được Tình trạng Vệ sinh	**11**	**2**
DLI 3.1Số Kế hoạch và Báo cáo Chương trình hàng năm được công bố công khai	2	2
DLI 3.2Số Kế hoạch Phát triển Năng Lực Hàng năm đã phê duyệt được thực hiện	1	1

BẢNG I-2:TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN CHỈ SỐ GIẢI NGÂN 1.1		
	Mục tiêu	**Kết quả đạt được**
DLI 1.1Kế hoạch Truyền thông Thay đổi Hành vi đã phê duyệt được thực hiện ở tỉnh: Liệt kê các hoạt động được thực hiện theo kế hoạch BCC		
NGÀNH Y TẾ		
Hoạt động cấp tỉnh		
Hoạt động 1: Hội nghị triển khai Chương trình cấp tỉnh năm 2019	Tổ chức 01 hội nghị triển khai Chương trình năm 2019 với thành phần các sở: Y tế, Giáo dục và Đào tạo,Trung tâm Y tế, Hội LHPN các huyện Hàm Yên,	Đã tổ chức 01 hội nghị triển khai cấp tỉnh vào ngày 20/8/2019. Tổng số đại biểu tham gia là 28 người. Trong đó: 14 nữ, 14 nam. Người DTTS: 10 người.

	Chiêm Hóa, Yên Sơn,Sơn Dương; Trung tâm Nước sạch và VSMTNT, Trung tâm Kiểm soát bệnh tật,	
Hoạt động 2: Tập huấn TOT về truyền thông thay đổi hành vi và phát triển thị trường vệ sinh cho cán bộ cấp tỉnh, cấp huyện.	Tổ chức 01 lớp tập huấn cho cán bộ Trung tâm Y tế v các huyện Hàm Yên, Chiêm Hóa, Yên Sơn,Sơn Dươn, Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh.	Đã tổ chức 01 lớp tập huấn từ ngày 23/8-24/8/2019.Tổng số học viên tham dự là 15 người, trong đó nữ: 5 người, nam 10 người và 06 dân tộc thiểu số.
Hoạt động 3: Truyền thông vệ sinh cấp tỉnh (Truyền thông trên phương tiện thông tin đại chúng)	Tuyên truyền trên Đài phát thanh truyền hình tỉnh Tuyên truyền trên Báo Tuyên Quang	• Ký hợp đồng với Đài phát thanh và truyền hình tỉnh xây dựng chuyên đề Tuyên Quang thực hiện Chương trình Mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả với thời lượng 15 phút phát ngày 29/12/2019 trên sóng của đài phát thanh truyền hình tỉnh. • Ký hợp đồng với Báo Tuyên Quang viết và đăng 02 số (ngày 6/12/2019 và ngày 24/8/2019) đồng thời đưa tin về hoạt động của chương trình trên cổng thông tin và điện tử huyện Chiêm Hóa ngày 4/10/2019 và trên cổng thông tin điện tử huyện Sơn Dương ngày 16/10/2019
Hoạt động 4:Thành lập cửa hàng tiện ích/ điểm bán hàng cho các xã VSTX	Lựa chọn và ký cam kết thúc đẩy thị trường vệ sinh tại 10 cửa hàng tiện ích/10 xã đồng thời duy trì hoạt động của 14 cửa hàng tại 14 xã năm 2018 chưa thực hiện kiểm đếm	Đã khảo sát và ký biên bản ghi nhớ với 10 cửa hàng

Hoạt động cấp huyện		
Hoạt động 6: Tổ chức hội nghị triển khai Chương trình cấp huyện	Tổ chức 04 Hội nghị triển khai cấp huyện tại các huyện Yên Sơn, Hàm Yên, Chiêm Hóa Sơn Dương với thành phần tham gia là Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn, Sở Giáo dục và đào tạo, Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh, các ban ngành huyện, đại diện UBND xã, trạm y tế xã của 10 xã tham gia chương trình năm 2019, 14 xã chuyển tiếp năm 2018 sang và 7 xã tham gia chương trình năm 2020.	Đã tổ chức xong 04 hội nghị triển khai ngày vào các ngày 11/9/2019, 19/9/2019, 4/10/2019, 16/10/2019 23/10/2019. Tổng số người tham dự là 143 người, trong đó có 63 nữ và 80 nam và DTTS: 52.
Hoạt động 7: Tập huấn về truyền thông thay đổi hành vi và phát triển thị trường vệ sinh cho cán bộ xã và tuyên truyền viên	Tổ chức 10 lớp tập huấn cho cán bộ tuyên truyền viên của 153 thôn tại 10 xã với thành phần tham gia làbí thư chi bộ, trưởng thôn, y tế thôn bản, phụ nữ thôn	Tổ chức 10 lớp tập huấn cho 153 thôn và cán bộ y tế của 10 trạm Y tế xã. Thời gian tổ chức từ ngày 9/2019 đến ngày 11/2019 Tổng số học viên tham dự là 632 người, trong đó nữ: 256 người, nam:376 người và DTTS là 126 người.
Hoạt động cấp xã		
Hoạt động 8: Tổ chức Hôi nghị triển khai Chương trình cấp xã	Tổ chức 24 Hội nghị tại 24 xã với thành phần tham dự là các Ban ngành đoàn thể tại địa phương.	Đã tổ chức 24 hội nghị tại 24 xã (Thời gian thực hiện từ ngày 9/2019 đến 11/2019 Mỗi thôn mời 3 người (bí thư chi bộ, trưởng thôn, y tế thôn bản) của 24 xã với 382 thôn,TYT xã 01 người, hội phụ nữ xã 01 người, ủy ban nhân dân xã 01 người, trung tâm y tế huyện 02 người,trường học trên địa bàn 03 tổng số 1.720 trong đó nữ: 516 người, nam: 1.207 người và DTTS:453
Hoạt động 9: Cam kết để đạt vệ sinh toàn xã từ UBND xã	Ký cam kết của chính quyền địa	10 xã mới tham gia chương trình năm

	phương về đạt các tiêu chí vệ sinh toàn xã	2019 đã ký cam kết đạt vệ sinh toàn xã.
Hoạt động 10: Hoạt động truyền thông cấp xã tại các xã VSTX	Lắp đặt 10 pano tại nơi công cộng tại 10 xã tham gia chương trình năm 2019, Treo ap phích tuyên truyền tại các trạm y tế xã Thực hiện phát loa truyền thanh xã	Đã treo 10 pano tại 10 xã mới tham gia chương trình năm 2019, treo áp phích tại các trạm y tế xã Đã phát trên loa truyền thanh tại 24 xã từ tháng 8-12/2019. Nội dung: Tuyên truyền vận động người dân sử dụng và bảo quản nhà tiêu hợp vệ sinh
Hoạt động 11: Hoạt động truyền thông cấp thôn	Vẽ bản đồ vệ sinh thôn Tổ chức họp thôn về vệ sinh và rửa tay bằng xà phòng Thăm hộ gia đình	153 bản đồ vệ sinh thôn đã được lập và treo tại nhà văn hóa thôn Tổ chức 535 cuộc họp thôn, tổng số người tham gia: 16.050, trong đó 8.021 nam, 8.025 nữ, 6.572 dân tộc thiểu số Tổ chức thăm 11.460 hộ gia đình
NGÀNH GIÁO DỤC		
Tập huấn về truyền thông về vệ sinh Chương trình RB-SupRSWS năm 2019	01 cuộc	01 cuộc tập huấn, chia thành 02 lớp: Đã tổ chức tập huấn truyền thông và nâng cao năng lực cho 144 cán bộ PGDĐT, lãnh đạo và giáo viên các trường học (% phụ nữ tham gia 76%; % người DTTS tham gia 40%); ngày 29/9/2019
Hội thi vẽ tranh cấp tỉnh với chủ đề "Nhà vệ sinh mơ ước của em"	01 cuộc	Địa điểm tại Trường Tiểu học Vinh Quang, huyện Chiêm Hóa; hội thi có 100 em học sinh của 10 trường tiểu học tham gia; kết hợp hội thi là các hoạt động văn nghệ, hoạt động hội chợ quê, do đó đã thu hút được sự hưởng ứng của đông đảo học sinh, phụ huynh học sinh và bà con nhân dân xã sở tại và lân cận tham dự; ngày 12/10/2019
Hội thi "Tìm hiểu về Vệ sinh- Môi trường- Nước sạch trong	01 cuộc	Địa điểm tại Trường Tiểu học Phúc Ứng,

các trường tiểu học" cấp tỉnh để thực hiện duy trì vệ sinh bền vững		huyện Sơn Dương; hội thi có 120 em học sinh của 12 trường tiểu học tham gia; cuộc thi được thiết kế theo hình thức sân khấu hóa rất công phu và sôi nổi, được lồng ghép hoạt động hội chợ quê, do đó đã thu hút được sự hưởng ứng của đông đảo học sinh, phụ huynh học sinh và bà con nhân dân xã sở tại và lân cận tham dự; ngày 26/10/2019
In tờ rơi, panô thực hiện công tác truyền thông trong trường học tại các trường thực hiện vệ sinh toàn xã năm 2019	01 gói thầu	Trang cấp 9.152 tờ rơi và 28 panô cho cho 28 trường thực hiện công tác truyền thông trong trường học năm 2019 (Tờ rơi trang cấp cho các trường tiểu học, THCS để phát cho học sinh; panô trang cấp cho 28 trường từ mầm non đến THCS; ngày 18/11/2019.
Ký cam kết đạt "Vệ sinh toàn xã" của hiệu trưởng trường học + Kế hoạch truyền thông tại các trường học	Tất cả các trường học tại 10 xã tham gia chương trình năm 2019	Bản cam kết + kế hoạch truyền thông của 28 trường học

Ghi chú:

- Cột "Mục tiêu": điền số lượng các hoạt động
- Cột "Kết quả": điền số lượng hoạt động, số lượng người tham gia, số lượng nam/ nữ, dân tộc thiểu số và thời gian thực hiện (ngày, tháng, năm)

BẢNG I-3: TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN VỆ SINH TOÀN XÃ CỦA TỈNH (Chỉ số 1.2)

Huyện	Xã	% HGĐ có nhà tiêu cải thiện	Tỷ lệ % HGĐ có điểm rửa tay XP	% Trường học có nước sạch và nhà tiêu HVS	Tổng số học sinh	% Trạm y tế có nước sạch và nhà tiêu HVS	Tổng số Hộ gia đình trong xã	Tổng dân số của xã	% Hộ gia đình có chủ hộ là nữ	% Hộ gia đình là DTTS
Yên Sơn	Kim Phú	**73**	**80**	100	1.343	**100**	**1257**	**3074**	**33,9**	**61,3**
Yên Sơn	Thắng Quân	**89,5**	**87**	100	1.341	**100**	**2248**	**8992**	**30**	**45**
Yên Sơn	Chân Sơn	73	85	100	582	100	1274	4992	48,3	47
Yên Sơn	Phú Lâm	71	90	100	1.581	100%	2256	9066	51,2	43

Yên Sơn	Tiến Bộ	72	90	100	674	100	1390	5711	52	45
Yên Sơn	Tứ Quận	80	95	100	1.224	100	1994	8416	53	44
Yên Sơn	Lực Hành	70	80	100	542	100	870	3577	42	51
Yên Sơn	Phú Thịnh	72	90	100	300	100%	617	2442	49,7	49
Yên Sơn	Trung Sơn	71	85	100	476	100	945	3669	42	52
Chiêm Hóa	Minh Quang	62,2	60,3	100	1.082	100	1583	6670	65,2	84,4
Chiêm Hóa	Vinh Quang	78	92	100	1.092	100	1816	7653	8	45
Chiêm Hóa	Ngọc Hội	70,1	99,2	100	691	100	1595	6016	17,7	45,95
Chiêm Hóa	Hà Lang	76	100	100	662	100	885	3873	8,17	94
Chiêm Hóa	Nhân Lý	76	80	100	325	100	586	5230	35	75,5
Chiêm Hóa	Xuân Quang	89,6	90	100	743	100	1271	5158	18	89,4
Chiêm Hóa	Yên Nguyên	82	77	100	1.191	100	1983	8275	28	81
Sơn Dương	Hồng Lạc	74,4	82	100	805	100	1354	5656	10%	0
Sơn Dương	Đại Phú	65,8	65,8	100	2.130	100	2831	11.937	3,7	87
Sơn Dương	Phúc Ứng	72	84	100	1.504	100%	2291	9217	3,84	48,92
Sơn Dương	Văn Phú	65	90	100	819	100%	1187	5395	10	56
Sơn Dương	Hợp Thành	63	77,3	100	809	100	1525	5963	26,2	32,4
Sơn Dương	Ninh Lai	66,5	84	100	1.667	100	2056	8998	2,6	70
Sơn Dương	Sơn Nam	64	86,3	100	1.889	100	2.324	10.059	6,2	63,4

Hàm Yên	Thái Hòa	74,5	93	100	1.120	100	2495	9747	10,3	25,9
Hàm Yên	Bình Xa	83	96	100	1.178	100	1710	6659	14,7	29,2
Hàm Yên	Nhân Mục	74	85,14	100	650	100	849	3679	17,9	86,3
Tổng cộng										

BẢNG I-4: TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN ĐẤU NỐI CẤP NƯỚC (DLI 1.3)

Hệ thống Số	Tên Công trình	Địa điểm[1]	Tình trạng[2]	Số đấu nối			Chất lượng nước		Nước thất thoát (%)[5]	Doanh thu tiền nước	Chi phí VH&BD	Mô hình Quản lý[6]	Dành cho các CTCN do UBND xã quản lý			Dành cho tất cả các CTCN
				Theo kế hoạch	Thực tế đang hoạt động[3]	Đấu nối mới và cải tạo	Tất cả các chỉ số[4]	Arsen[4]					Biên bản tham vấn với người sử dụng nước[7]	Quyết định thành lập Tổ VH&BD của UBND xã[8]	Chứng chỉ/ Cam kết của UBND xã về việc đào tạo cho cán bộ VH[9]	Tên các hoạt động IEC về nước sạch đã thực hiện ở địa bàn thi công công trình
	Nâng cấp mở rộng công trình nước sinh hoạt xóm 7, 10 và các cơ quan trừng học xã Lang Quán, huyện Yên Sơn	Xã Lang Quán, huyện Yên Sơn	Đang hoạt động bình thường		334		Đạt	Đạt				**Doanh nghiệp**				
	Nâng cấp mở rộng công trình nước sinh hoạt xã Bình Xa, huyện Hàm Yên	Xã Bình Xa, huyện Hàm Yên	Đang hoạt động bình thường		695		Đạt	Đạt				**Doanh nghiệp**				
	Nâng cấp mở rộng công trình nước sinh hoạt xã Kim Bình, huyện Chiêm	Xã Kim Bình, huyện	Đang hoạt động		231		Đạt	Đạt				UBND xã Kim		Có	Có	

	Hóa	Chiêm Hóa	bình thường									Bình				
1	Nâng cấp, mở rộng công trình cấp nước tập trung xã Minh Quang, xã Trung Hà, huyện Chiêm Hóa	Xã Minh Quang, xã Trung Hà, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang	Dự kiến hoàn thành trong quý I, năm 2020	406	0	406	Đạt	Đạt				TTN				Tổ chức họp dân để tuyên truyền về Nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn trên địa bàn xã
2	Nâng cấp, mở rộng công trình cấp nước sinh hoạt xã Đông Lợi, huyện Sơn Dương	Xã Đông Lợi, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang	Đang hoạt động bình thường	1266	1266	100	Đạt	Đạt				UBND xã Đông Lợi		Có	Có	Tổ chức họp dân để tuyên truyền về Nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn trên địa bàn xã
3	Nâng cấp, mở rộng công trình cấp nước sinh hoạt thôn Coóc, thôn Đồng Trang và thôn Yểng xã Hùng Lợi, huyện Yên Sơn	Xã Hùng Lợi, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang	Đang hoạt động bình thường	281	281	281	Đạt	Đạt				UBND xã Hùng Lợi		Có	Có	Tổ chức họp dân để tuyên truyền về Nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn trên địa bàn xã
4	Nâng cấp, mở rộng công trình cấp nước tập trung xã Thổ Bình, xã Lăng Can, huyện Lâm Bình	Xã Thổ Bình, xã Lăng Can, huyện Lâm Bình	Dự kiến hoàn thành trong quý I, năm 2020	1.378	302	1.378	Đạt	Đạt				UBND xã Thổ Bình; TTN		Có	Có	Tổ chức họp dân để tuyên truyền về Nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn trên địa bàn xã
5	Cấp nước sinh hoạt thôn Quân, thôn Toạt và thôn Nà Trang xã Hùng Lợi, huyện Yên Sơn	Xã Hùng Lợi, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang	Đang hoạt động bình thường	177	177	177	Đạt	Đạt				UBND xã Hùng Lợi		Có	Có	Tổ chức họp dân để tuyên truyền về Nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn trên

																địa bàn xã
6	Cấp nước sinh hoạt xã Thiện Kế, huyện Sơn Dương	Xã Thiện Kế, huyện Sơn Dương	Dự kiến hoàn thành trong quý I, năm 2020	336	0	336	Đạt	Đạt				TTN		Có	Có	Tổ chức họp dân để tuyên truyền về Nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn trên địa bàn xã
	TỔNG CỘNG			**3.844**	**2.026**	**2.678**										

Ghi chú:

1. *Xã và huyện*
2. *Chuẩn bị đầu tư (PL)/ Đang thi công (UC) / Đưa vào hoạt động (CM) / Hoạt động (OP).*
3. *Hoạt động (cấp nước 24/7 và cho phép tỷ lệ ngưng trệ bình quân 10% hàng tháng)*
4. *Điền "Đạt được" hoặc "Không đạt được" so với Quy chuẩn QCVN 02: 2009/BYT của Bộ Y Tế hay bất kỳ chỉ số kế tục nào*
5. *Số giờ trong khoảng thời gian 24 giờ mà CTN cung cấp nước cho mạng lưới, tính trung bình trong 3 tháng cuối của giai đoạn báo cáo, tức là kết quả từ tháng 10 đến tháng 12 của năm được báo cáo.*
6. *Điền tên cụ thể của tổ chức, đơn vị vận hành : "Doanh nghiệp Nông thôn (REN), tự tài trợ và đơn vị quản lý phi lợi nhuận (NFP), hợp tác xã (COP), hoặc Tư nhân (IND)*

7,8và9: Có hoặc Không (Dành cho các công trình CN do UBND xã quản lý)

BẢNG I-5: TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN DUY TRÌ VỆ SINH CÔNG CỘNG BỀN VỮNG (Chỉ số 2.2)

Huyện	Xã	Năm đạt VSTX	% trường duy trì được tình trạng vệ sinh	% trạm y tế duy trì được tình trạng vệ sinh
Yên Sơn	Nhữ Hán	2017	100	100
	Hoàng Khai	2016	100	100
Tổng cộng	02			

BẢNG I-6: TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN DLI 3.1 - **Kế hoạch và Báo cáo Chương trình hàng năm được công bố công khai**

Kế hoạch Chương trình				**Báo cáo Chương trình**			
Được công	Số Kế hoạch,	Ngày đăng lên	Đường link	Được công bố	Số báo	Ngày đăng lên	Đường link

bố công khai chưa?	ngày ký kế hoạch	wesite		công khai chưa?	cáo, ngày ký kế hoạch	wesite	
Rồi	Quyết định số 232/QĐ-UBND ngày 23/8/2018 của UBND tỉnh	23/8/2018	http://www.snntuyenquang.gov.vn/van-ban/van-ban-phap-quy/phan-loai/nuoc-sach-vsmt-nt.html	Rồi	31/12/2019	31/12/2019	http://www.snntuyenquang.gov.vn/van-ban/van-ban-phap-quy/phan-loai/nuoc-sach-vsmt-nt.html

BẢNG I-7 – TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN DLI 3.2 - **Kế hoạch Phát triển Năng Lực Hàng năm đã phê duyệt được thực hiện**

Các hoạt động Tăng cường năng lực (hoạt động cốt lõi) được thực hiện theo Kế hoạch Xây dựng Năng lực Hàng năm:		
Tên hoạt động	**Mục tiêu**	**Kết quả**
NGÀNH NÔNG NGHIỆP (Trung tâm nước tỉnh)		
Hoạt động 1:Tập huấn về sổ tay hướng dẫn thực hiện Chương trình; Tổ chức hội nghị triển khai Chương trình cấp tỉnh;Họp ban điều hành Chương trình để tổng kết đánh giá kết quả thực hiện Chương trình	01 hội nghị triển khai Chương trình; 01 cuộc họp tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình; 01 huấn nhằm mục đích Nắm bắt được quy định, quy trình triển khai thực hiện Chương trình; Triển khai kế hoạch năm 2019, làm rõ mục tiêu, chỉ tiêu đạt được trong năm, phân công nhiệm vụ, trách nhiệm của các bên liên quan, kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình trong năm; Đảm bảo tính minh bạch của và nâng cao hiệu quả triển khai thực hiện Chương trình.	Kết quả 50 đại biểu là lãnh đạo, cán bộ chuyên trách thực hiện của các đơn vị liên quan trên địa bàn tỉnh nắm bắt được nội dung triển khai thực hiện Chương trình tại địa phương Trong đó có 38nam, 12 nữ; DTTS 10 người
Hoạt động 2: Tập huấn về Sổ tay hướng dẫn thực hiện Chương	01 cuộc tập huấn nhằm: Nắm bắt được quy	Tổ chức 02 lớp tập huấn và 40 cuộc họp dân; Kết quả 1690 đại biểu là cán bộ xã, cán

trình; Thực hiện các vấn đề về DTTS và lồng ghép giới. Tập huấn về Thông tin Giáo dục Truyền thông (IEC) về cấp nước; Sổ tay hướng dẫn vận hành và quản lý các công trình cấp nước dựa vào cộng đồng;	định, quy trình triển khai thực hiện Chương trình; các vấn đề về DTTS và giới, tham vấn huy động sự tham gia của người DTTS và phụ nữ trong triển khai thực hiện Chương trình. 01 cuộc tập huấn Nâng cao ý thức của người dân về vấn đề nước sạch và sử dụng bền vững các công trình CNTT nông thôn.Nắm bắt được các vấn đề liên quan đến cấp nước nông thôn; Kỹ thuật trong công tác quản lý, sử dụng và khai thác các công trình cấp nước tập trung nông thôn;	Ban quản lý khai thác vận hành các công tình cấp nước sinh hoạt tập trung nông thôn nắm bắt được các quy trình về giới, DTTS, quy trình quản lý vận hành công trình cấp nước nông thôn. Trong đó có 940nam, 750 nữ; DTTS 950 người
NGÀNH Y TẾ		
Cấp tỉnh		
- Tập huấn giảng viên cấp tỉnh, huyện	**01 Tập huấn**	01 tập huấn đã được tổ Đã tổ chức 01 lớp tập huấn từ ngày 23/8-24/8/2019.Tổng số học viên tham dự là 15 người, trong đó nữ: 5 người, nam 10 người và 06 dân tộc thiểu số.
Cấp huyện		
- Tập huấn về truyền thông thay đổi hành vi và phát triển thị trường vệ sinh cho cán bộ xã và Tuyên truyền viên	**10 tập huấn**	Tổ chức 04 lớp tập huấn cho 73 thôn và cán bộ y tế của 04 trạm Y tế xã. Thời gian tổ chức từ ngày 9/2019 đến ngày 11/2019 Tổng số học viên tham dự là 632 người, trong đó nữ: 256 người, nam:376 người và DTTS là 126 người.
- Tập huấn kỹ thật xây dựng nhà tiêu hợp vệ sinh và phương pháp tiếp thị vệ sinh cho thợ xây và cửa hàng tiện ích	**03 tập huấn**	03 tập huấn được tổ chức tại 03 huyện số lượng người tham gia: 64 người tham gia số lượng nam/ nữ: Nam 54, nữ 4,

		DTTS: 10 thời gian thực hiện (10/2019-11/2019)
NGÀNH GIÁO DỤC		
- Tập huấn ToT cho Sở GD&ĐT, Phòng GD&ĐT, và Ban giám hiệu các trường học; Tập huấn, hướng dẫn về công tác vệ sinh trường học cho cán bộ quản lý, giáo viên và cán bộ y tế trường học	Nâng cao hiệu quả triển khai thực hiện Chương trình; Nắm rõ về công tác vệ sinh trong trường học, thực hiện tốt công tác giáo dục, tuyên truyền về vệ sinh cho các em học sinh	01 cuộc tập huấn, chia thành 02 lớp: Đã tổ chức tập huấn truyền thông và nâng cao năng lực cho 144 cán bộ PGDĐT, lãnh đạo và giáo viên các trường học (% phụ nữ tham gia 76%; % người DTTS tham gia 40%); ngày 29/9/2019

Ghi chú:

- Mục tiêu: Điền số lượng hoạt động theo kế hoạch
- Kết quả: Điền số lượng hoạt động đã thực hiện, số lượng người tham gia, số lượng nam, nữ và DTTS, ngày tháng năm thực hiện

II. KHUNG KẾT QUẢ

Chỉ số PDO và kết quả trung gian trong PAD

Bảng II-1: Quá trình thực hiện và khung kết quả:

Chỉ số kết quả		**Lõi**	**DLIs**	**Đơn vị tính**	**Khảo sát ban đầu**	**Năm 2019**	
						Mục tiêu	**Tự đánh giá kết quả đạt được**
Mục tiêu phát triển của Chương trình (PDO): Cải thiện hành vi vệ sinh, tăng cường và duy trì tiếp cận vệ sinh và nước sạch ở các vùng nông thôn tại các Tỉnh tham gia Chương trình							
						Từ xã VSTX theo KH	***Từ đấu nối nước theo***
						Từ xã đạt được VSTX	***Từ đấu nối nước đạt***
							Tổng số kết quả đạt được

							KH		*được*	
Chỉ số PDO 1: Người thụ hưởng Trực tiếp của Chương trình (phân tích theo % nữ, % hộ gia đình có chủ hộ là nữ và % hộ DTTS)	Tổng dân số	X		Số	0	137973	14000	100761	10712	11473
	% nữ giới			%				45	51	48
	Tổng số Hộ			số		32633	3500	24198	2678	26876
	% số hộ có nữ giới là chủ hộ			%				20,2	8,0	14,1
	% hộ DTTS			%				50,6	64,9	62,8
Chỉ số PDO 2: Hộ gia đình được tiếp cận với dịch vụ cấp nước bền vững (Phân tích theo giới: % hộ gia đình có chủ hộ là nữ)	Tổng số Hộ		X	Số lượng	0	0		1260		
	% số hộ có nữ giới là chủ hộ							7,8		
Chỉ số PDO 3: Số xã đạt Vệ sinh toàn xã			X	Số lượng	0	9		18		
Chỉ số PDO 4: Số xã đạt VSTX bền vững (trường học và trạm y tế duy trì được tình trạng hợp vệ sinh)			X	Số lượng		0		2		
Chỉ số PDO 5: Phương pháp tiếp cận mới cho các hoạt động truyền thông thay đổi hành vi và chuỗi cung ứng được đưa vào chương trình kế thừa của NTP3				Có/ Không	No	Có		Có		
Lĩnh vực Kết quả Trung gian 1: Các hành vi vệ sinh chính thay đổi trong dân chúng và tăng cường tiếp cận đến các dịch vụ cơ bản										
Chỉ số Kết quả Trung gian 1: Xây dựng và thực hiện các kế hoạch truyền thông thay đổi hành vi (BCC); ở cấp tỉnh, huyện và xã			X	Tỉnh	0	1		1		
Chỉ số Kết quả Trung gian 2: Trường học đạt được thông qua các chiến dịch BCC mục tiêu				Số lượng	0	9		28		

Chỉ số Kết quả Trung gian 3: Trạm y tế với các chương trình chăm sóc tiền sản được đưa vào trong BCC				Số lượng (tích lũy - hoạt động lặp đi lặp lại mỗi năm)	0	9	26
Chỉ số Kết quả Trung gian 4: Chương trình truyền thông (BCC) cấp quốc gia được triển khai				Có/ không	Không	Có	Có
Chỉ số Kết quả Trung gian 5: Tỷ lệ rửa tay xà phòng sau khi đi vệ sinh được tăng lên trong đối tượng mục tiêu, so sánh với những xã không có can thiệp của chương trình				%	0	40	50
Lĩnh vực Kết quả Trung gian 2: Có cơ sở hạ tầng nước và vệ sinh đầy đủ và trong trình trạng hoạt động							
Chỉ số kết quả Trung gian 6: Đấu nối cấp nước hộ gia đình được cải tạo và xây mới đang hoạt động (FWSC) (chia theo giới)	Tổng số hộ đấu nối	X	X	Số lượng	0	3500	2678
	% hộ gia đình có nữ là chủ hộ				0		8,0
Chỉ số Kết quả Trung gian7: Trường học và trạm y tế có các công trình cấp nước và vệ sinh mới và được cải tạo	Tổng số			Số lượng	0		
	Trường học					44	49
	Trạm y tế					26	26
Lĩnh vực Kết quả Trung gian 3: Năng lực thực hiện chương trình được cải thiện							
Chỉ số Kết quả Trung gian 8: Các Kế hoạch và Báo cáo Chương trình hàng năm được công bố			X	Số lượng	0	2	2
Chỉ số Kết quả Trung gian9: Các báo cáo về phản hồi của người thụ hưởng đã nhận được và phản hồi đã được sử dụng				Số tỉnh có báo cáo phản hồi của người thụ hưởng được lập và sử dụng	0	Không	Không
Chỉ số Kết quả Trung gian10: Kế hoạch Phát triển Năng lực hàng năm đã phê duyệt của các Tỉnh được thực hiện			X	Số tỉnh đã thực hiện kế hoạch đã được phê duyệt	0	1	1

Chỉ số Kết quả Trung gian 11: Các hệ thống sẵn sàng và được sử dụng để giám sát và hỗ trợ sự bền vững của diện vệ sinh toàn xã				Số xã có các hệ thống được lắp đặt sẵn sàng để theo dõi tính bền vững	0	26	26

Ghi chú: Chỉ số PDO 1 được tính cho cả xã VSTX và đấu nối nước mới

III. TUÂN THỦ KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG CHƯƠNG TRÌNH TRONG NĂM BÁO CÁO

BẢNG III-1: TÓM TẮT TUÂN THỦ KHHĐ TỈNH	
Hành động 1	Không
Cơ sở dữ liệu về khiếu nại và phản hồi khiếu nại của người hưởng lợi đã được lập và duy trì	Có
Báo cáo hàng năm gửi cho Bộ NN-PTNT	
Hành động2	Có
(a) Tất cả các đề xuất đã được xem xét	Có
(b) DNNN Phụ thuộc bị loại	Không
(c) Không có công ty bị cấm	
Hành động3	Rồi
Kế hoạch và ngân sách hàng năm đã được phê duyệt ở cấp tỉnh	Rồi
Phân bổ ngân sách được thực hiện cho Chương trình và thời gian phân bổ ngân sách được thực hiện	Rồi
Phân bổ cho vệ sinh và truyền thông được thực hiện theo hướng dẫn liên bộ tương ứng	
Hành động4	
Xây dựng hướng dẫn để bảo đảm sự tham gia có hiệu quả và đảm bảo tham vấn với người dân địa phương, bao gồm cả các DTTS và các nhóm dễ bị tổn thương, trong đó cụ thể hóa các quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam liên quan đến người DTTS thông qua quá trình tham vấn trước cởi mở và được cung cấp đủ thông tin	Có
Hành động5	
Triển khai hợp phần BCC của Chương trình theo Sổ tay Thực hiện Chương trình.	Có

BẢNG III-2: MÔ TẢ TUÂN THỦ VỚI KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG CHƯƠNG TRÌNH					
Hành động	**Tuân thủ với Hành động**				
1. Các tỉnh tham gia Chương trình sẽ tăng cường tính minh bạch thông qua việc lưu trữ các khiếu nại của người dân về tham vấn cộng đồng/tham nhũng/quản lý tài chính/đấu thầu/thực hiện Chương trình trong một cơ sở dữ liệu và giải quyết các khiếu nại này. Thông tin sẽ được Bộ NN&PTNT tổng hợp ở cấp Quốc gia và định kỳ báo cáo cho	Số đơn khiếu nại được nhập vào cơ sở dữ liệu:				
	Tham vấn cộng đồng: 0	Tham nhũng: 0	QLTC và Đấu thầu: 0	Đấu thầu: 0	Thực hiện chương trình: 0
	Số đơn khiếu nại được trả lời:0				

<table>
<tr><td rowspan="2">Ngân hàng Thế giới.</td><td>Tham vấn cộng đồng:
X</td><td>Tham nhũng:
X</td><td>QLTC và Đấu thầu:
X</td><td>Đấu thầu:
X</td><td>Thực hiện chương trình:
X</td></tr>
<tr><td colspan="5"></td></tr>
<tr><td rowspan="3">2. Cải thiện Phương thức đấu thầu thông qua việc đảm bảo:
(a) Mọi hồ sơ dự thầu thiết kế chi tiết và giám sát thi công, cũng như hồ sơ dự thầu xây dựng công trình có giá thấp hơn hoặc cao hơn mức giá ước tính của gói thầu đều được đánh giá; (b)Các Doanh nghiệp nhà nướcphụ thuộc (của Tỉnh thực hiện đấu thầu hoặc Bộ NN&PTNT) sẽ không được tham gia dự thầu; và(c)Các công ty trong danh sách cấm của địa phương, quốc gia, hoặc Ngân hàng Thế giới không được tham gia dự thầu.</td><td colspan="3">Số đề xuất và dự thầu nhận được cho gói thầu:</td><td colspan="2">Số đề xuất và dự thầu được đánh giá:</td></tr>
<tr><td colspan="3">09</td><td colspan="2">09</td></tr>
<tr><td colspan="5">Các biện pháp được thực hiện để đảm bảo DNNN và các công ty trong danh sách cấm bị cấm tham gia:
Nội dung HSMT có phần điều kiện dự thầu</td></tr>
<tr><td rowspan="6">3. Kế hoạch và ngân sách hàng năm sẽ được phê duyệt ở tất cả các cấp, và tiền sẽ được chuyển về kịp thời. Các hợp phần của hoạt động này bao gồm:
(a) Kế hoạch và ngân sách hàng năm được phê duyệt ở tỉnh;
(b) Phân bổ ngân sách thực hiện cho Chương trình và thời gian phân bổ ngân sách được thực hiện; và
(c) Phân bổ cho vệ sinh và truyền thông được thực hiện theo hướng dẫn liên bộ tương ứng.</td><td colspan="5">Tiến độ chuẩn bị kế hoạch, ngân sáchhàng năm cho Chương trình:</td></tr>
<tr><td colspan="5">Quyết định số 232/QĐ-UBND ngày 23/8/2018 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Kế hoạch Chương trình mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả tỉnh Tuyên Quang năm 2019;</td></tr>
<tr><td colspan="5">Tiến độ phân bổ ngân sách thực hiện cho Chương trình:</td></tr>
<tr><td colspan="5">Quyết định số 96/QĐ-UBND ngày 28/3/2019 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Kế hoạch đầu tư Chương trình mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả vốn vay Ngân hàng Thế giới năm 2019, trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang;</td></tr>
<tr><td colspan="5">Tiến độphân bổ cho vệ sinh và truyền thông:</td></tr>
<tr><td colspan="5">Quyết định số 435/QĐ-UBND ngày 06/4/2019 của UBND tỉnh về việc phân bổ kinh phí tổ chức các hoạt động sự nghiệp thuộc Chương trình mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả, vốn vay Ngân hàng Thế giớinăm 2019, trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang (đợt 1);</td></tr>
<tr><td rowspan="2">4. Xây dựng hướng dẫn để bảo đảm sự tham gia có hiệu quả và đảm bảo tham vấn với người dân địa phương, bao gồm cả các DTTS và các nhóm dễ bị tổn thương, trong đó cụ thể hóa các quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam liên quan đến người DTTS thông qua quá trình tham vấn trước cởi mở và được cung cấp đủ thông tin</td><td colspan="5">Tình trạngxây dựng và thực hiện hướng dẫn làm việc với Dân tộc Thiểu số:</td></tr>
<tr><td colspan="5">Tình trạng xây dựng và thực hiện hướng dẫn làm việc với Dân tộc Thiểu số: Đã tổ chức 01 lớp tập huấn cho 45 học viên là cán bộ UBND xã, thôn, cán bộ quản lý công trình cấp nước của các xã trên địa bàn tỉnh về thực hiện tham vấn với DTTS</td></tr>
</table>

	Số tham vấn đã thực hiện với Dân tộc Thiểu số:	40 cuộc tham vấn đối với người dân trên địa bàn xã tham gia đầu tư xây dựng công trình cấp nước tập trung
5. Triển khai cấu phần BCC của Chương trình theo Sổ tay Thực hiện Chương trình.	Tóm tắt Tình trạngxây dựng và thực hiện cấu phần BCC:	
	Số các hoạt động được thực hiện theo kế hoạch BCC:	40 hoạt động được triển khai trên địa bàn tỉnh

IV. QUẢN LÝ TÀI CHÍNH.

	Ngày nộp/ thực hiện		
(a) Báo cáo tài chính:	Ngày/ tháng/ năm nộp báo cáo		
(b) Ngân sách hàng năm			
	Vốn đối ứng	**Vốn vay lại**	**Vốn WB**
Vốn sự nghiệp:	Quyết định số436/QĐ-UBND ngày 06/4/2019		
Đề xuất	#	0	4.000.000.000
Phân bổ	#	0	4.000.000.000
Giải ngân	#	0	3.363.136.300
Vốn đầu tư:	Quyết định số 96/QĐ-UBND ngày 28/3/2019		
Đề xuất	4.000.000.000	6.894.000.000	76.000.000.000
Phân bổ	4.000.000.000	6.894.000.000	76.000.000.000
Giải ngân	2.798.671.000	1.778.392.556	32.944.571.344
(c) Đối chiếu	Ngày/ tháng/ năm	Ngày/ tháng/ năm	Ngày/ tháng/ năm
(d) Báo cáo kiểm toán	Ngày/ tháng/ năm	Ngày/ tháng/ năm	Ngày/ tháng/ năm

V. CÁC KHÍA CẠNH XÃ HỘI

Bảng V-I: Tái định cư

Phạm vi ảnh hưởng của các công trình nước đến ngày 31 tháng 12 năm 2019 (theo kỳ báo cáo)

STT	Tên công trình	Số hộ BAH vĩnh viễn								Diện tích đất bị thu hồi vĩnh viễn (m^2)					Tổng diện tích hiến đất (m^2)
		Số hộ BAH nặng			Số hộ bị mất dưới 30% đất SX	Số hộ kinh doanh BAH	Số hộ DTTS BAH	Số hộ dễ bị tổn thương	Tổng cộng	Đất ở	Đất lúa	Đất rừng	Đất khác	Tổng cộng	
		Tổng số	Số hộ bị mất từ 30% đất sản xuất trở lên	Số hộ phải tái định cư											
1	Nâng cấp mở rộng công trình nước sinh hoạt xóm 7, 10 và các cơ quan trường học xã Lang Quán, huyện Yên Sơn	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2	Nâng cấp mở rộng công trình nước sinh hoạt xã Bình Xa, huyện Hàm Yên	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
3	Nâng cấp mở rộng công trình nước sinh hoạt xã Kim Bình, huyện Chiêm Hóa	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4	Nâng cấp, mở rộng công trình cấp nước sinh hoạt xã Đông Lợi, huyện Sơn Dương	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
5	Nâng cấp, mở rộng công trình cấp nước sinh hoạt xã Thái Hòa, xã Đức Ninh, huyện Hàm Yên	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
6	Nâng cấp, mở rộng công trình cấp nước tập trung xã Minh Quang, xã Trung Hà, huyện Chiêm Hóa	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
7	Nâng cấp, mở rộng công trình cấp nước sinh hoạt thôn Coóc, thôn Đồng Trang và thôn Yểng xã Hùng Lợi, huyện Yên Sơn	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
8	Nâng cấp, mở rộng công trình cấp nước tập trung xã Thổ Bình, xã Lăng Can, huyện Lâm Bình	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
9	Nâng cấp, mở rộng công trình cấp nước sinh hoạt xã Phúc Ninh, Quý Quân, Lực hành, huyện Yên Sơn	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
10	Nâng cấp, mở rộng công trình cấp nước sinh hoạt xã Tân An, xã Hà Lang, huyện Chiêm Hóa	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
11	Nâng cấp, mở rộng công trình cấp nước xã Yên Hoa, xã Đà Vị, huyện Na Hang	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
12	Nâng cấp mở rộng công trình cấp nước sinh hoạt xã Tân Tiến, huyện Yên Sơn	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
13	Nâng cấp, mở rộng công trình cấp nước sinh hoạt xã Nhữ Khê, xã Nhữ Hán, xã	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

	Hoàng Khai, huyện Yên Sơn														
14	Cấp nước sinh hoạt thôn Cây Chanh 1, thôn Cây Chanh 2, xã Đức Ninh, huyện Hàm Yên	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
15	Cấp nước sinh hoạt xã Ninh Lai, huyện Sơn Dương	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	1.070	0	0
16	Cấp nước sinh hoạt thôn Quân, thôn Toạt và thôn Nà Trang xã Hùng Lợi, huyện Yên Sơn	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
17	Công trình cấp nước sinh hoạt khu trung tâm xã Nhân Mục, huyện Hàm Yên	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
18	Cấp nước sinh hoạt xã Hùng Đức, huyện Hàm Yên	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
19	Cấp nước sinh hoạt xã Thiện Kế, huyện Sơn Dương	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
20	Nâng cấp mở rộng công trình cấp nước sinh hoạt xã Kim Bình, huyện Chiêm Hóa (Giai đoạn 2)	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
21	Công trình cấp nước sinh hoạt thôn An Nghĩa, xã Tân Thịnh, huyện Chiêm Hóa	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
22	Cấp nước sinh hoạt xã Kiến Thiết và thôn đồng cầu, Bình Ca 2, xã Tứ Quận, huyện Yên Sơn	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Tổng cộng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

Ghi chú: BAH: Bị ảnh hưởng

Tình trạng chi trả bồi thường và GPMB									
STT	**Tên công trình**	**Tổng tiền bồi thường và hỗ trợ**	**Tổng tiền đã trả ('000 VND)**		**Tình trạng chi trả**		**Tình trạng bàn giao đất**		
			Đã trả đến ngày báo cáo	Tổng tiền còn phải trả	Số hộ đã nhận tiền	Số hộ chưa nhận tiền	Số hộ đã giao đất	Số hộ chưa giao đất	Số hộ hiến đất
1	Nâng cấp mở rộng công trình nước sinh hoạt xóm 7, 10 và các cơ quan trường học xã Lang Quán, huyện Yên Sơn	0	0	0	0	0	0	0	0
2	Nâng cấp mở rộng công trình nước sinh hoạt xã Bình Xa, huyện Hàm Yên	0	0	0	0	0	0	0	0
3	Nâng cấp mở rộng công trình nước sinh hoạt xã Kim Bình, huyện Chiêm Hóa	0	0	0	0	0	0	0	0
4	Nâng cấp, mở rộng công trình cấp nước sinh hoạt xã Đông Lợi, huyện Sơn Dương	0	0	0	0	0	0	0	0
5	Nâng cấp, mở rộng công trình cấp nước sinh hoạt xã Thái Hòa, xã Đức Ninh, huyện Hàm Yên	0	0	0	0	0	0	0	0
6	Nâng cấp, mở rộng công trình cấp nước tập trung xã Minh Quang, xã Trung Hà, huyện Chiêm Hóa	0	0	0	0	0	0	0	0
7	Nâng cấp, mở rộng công trình cấp nước sinh hoạt thôn Coóc, thôn Đồng Trang và	0	0	0	0	0	0	0	0

	thôn Yêng xã Hùng Lợi, huyện Yên Sơn								
8	Nâng cấp, mở rộng công trình cấp nước tập trung xã Thổ Bình, xã Lăng Can, huyện Lâm Bình	0	0	0	0	0	0	0	0
9	Nâng cấp, mở rộng công trình cấp nước sinh hoạt xã Phúc Ninh, Quý Quân, Lực hành, huyện Yên Sơn	0	0	0	0	0	0	0	0
10	Nâng cấp, mở rộng công trình cấp nước sinh hoạt xã Tân An, xã Hà Lang, huyện Chiêm Hóa	0	0	0	0	0	0	0	0
11	Nâng cấp, mở rộng công trình cấp nước xã Yên Hoa, xã Đà Vị, huyện Na Hang	0	0	0	0	0	0	0	0
12	Nâng cấp mở rộng công trình cấp nước sinh hoạt xã Tân Tiến, huyện Yên Sơn	0	0	0	0	0	0	0	0
13	Nâng cấp, mở rộng công trình cấp nước sinh hoạt xã Nhữ Khê, xã Nhữ Hán, xã Hoàng Khai, huyện Yên Sơn	0	0	0	0	0	0	0	0
14	Cấp nước sinh hoạt thôn Cây Chanh 1, thôn Cây Chanh 2, xã Đức Ninh, huyện Hàm Yên	0	0	0	0	0	0	0	0
15	Cấp nước sinh hoạt xã Ninh Lai, huyện Sơn Dương	0	0	0	0	0	0	0	0
16	Cấp nước sinh hoạt thôn Quân, thôn Toạt và thôn Nà Trang xã Hùng Lợi, huyện Yên Sơn	0	0	0	0	0	0	0	0
17	Công trình cấp nước sinh hoạt khu trung tâm xã Nhân Mục, huyện Hàm Yên	0	0	0	0	0	0	0	0
18	Cấp nước sinh hoạt xã Hùng Đức, huyện Hàm Yên	0	0	0	0	0	0	0	0
19	Cấp nước sinh hoạt xã Thiện Kế, huyện Sơn Dương	0	0	0	0	0	0	0	0
20	Nâng cấp mở rộng công trình cấp nước sinh hoạt xã Kim Bình, huyện Chiêm Hóa (Giai đoạn 2)	0	0	0	0	0	0	0	0
21	Công trình cấp nước sinh hoạt thôn An Nghĩa, xã Tân Thịnh, huyện Chiêm Hóa	0	0	0	0	0	0	0	0
22	Cấp nước sinh hoạt xã Kiến Thiết và thôn đồng cầu, Bình Ca 2, xã Tứ Quận, huyện Yên Sơn	0	0	0	0	0	0	0	0
	Tổng số	0	0	0	0	0	0	0	0

Bảng V-2: Dòng lao động

Các tác động xã hội bất lợi do lao động của nhà thầu gây ra

STT	Các tác động xã hội	Có	Không	Các biện pháp giải quyết		Tình trạng giải quyết	
1	Xung đột về tôn giáo, văn hóa và dân tộc		Không				
2	Tăng tội phạm và cách ứng xử bị cấm(trộm cắp, đánh nhau, lạm dụng vật chất, mại dâm, buôn bán người)		Không				
3	Tăng gánh nặng và cạnh tranh về cung cấp dịch vụ xã hội (ví dụ nước, điện, dịch vụ y tế, giao thông, giáo dục...)		Không				

4	Tăng các bệnh truyền nhiễm và gánh nặng lên dịch vụ y tế của địa phương		Không				
5	Bạo lực về giới (lạm dụng tình dục đối với phụ nữ và trẻ em nữ, quan hệ bóc lột tình dục, quan hệ tình dục vị thành niên)		Không				
6	Lao động trẻ em và bỏ học để đi lao động		Không				
7	Tăng tắc nghẽn và tai nạn giao thông		Không				

Giám sát dòng lao động của các nhà thầu				
STT	**Tên công trình**	**Số lượng công nhân của mỗi công trình**		
		< 50 công nhân	=> 50-100	>100
1	Nâng cấp mở rộng công trình nước sinh hoạt xóm 7, 10 và các cơ quan trường học xã Lang Quán, huyện Yên Sơn	x		
2	Nâng cấp mở rộng công trình nước sinh hoạt xã Bình Xa, huyện Hàm Yên	x		
3	Nâng cấp mở rộng công trình nước sinh hoạt xã Kim Bình, huyện Chiêm Hóa	x		
4	Nâng cấp, mở rộng công trình cấp nước sinh hoạt xã Đông Lợi, huyện Sơn Dương	x	-	-
5	Nâng cấp, mở rộng công trình cấp nước sinh hoạt xã Thái Hòa, xã Đức Ninh, huyện Hàm Yên	x		
6	Nâng cấp, mở rộng công trình cấp nước tập trung xã Minh Quang, xã Trung Hà, huyện Chiêm Hóa	x		
7	Nâng cấp, mở rộng công trình CNSH thôn Coóc, thôn Đồng Trang và thôn Yểng xã Hùng Lợi, huyện Yên Sơn	x		
8	Nâng cấp, mở rộng công trình cấp nước tập trung xã Thổ Bình, xã Lăng Can, huyện Lâm Bình	x		
9	Nâng cấp, mở rộng công trình cấp nước sinh hoạt xã Phúc Ninh, Quý Quân, Lực hành, huyện Yên Sơn	x		
10	Nâng cấp, mở rộng công trình cấp nước sinh hoạt xã Tân An, xã Hà Lang, huyện Chiêm Hóa	x		
11	Nâng cấp, mở rộng công trình cấp nước xã Yên Hoa, xã Đà Vị, huyện Na Hang	x		
12	Nâng cấp mở rộng công trình cấp nước sinh hoạt xã Tân Tiến, huyện Yên Sơn	x		
13	Nâng cấp, mở rộng công trình cấp nước sinh hoạt xã Nhữ Khê, xã Nhữ Hán, xã Hoàng Khai, huyện Yên Sơn	x		

14	Cấp nước sinh hoạt thôn Cây Chanh 1, thôn Cây Chanh 2, xã Đức Ninh, huyện Hàm Yên	x		
15	Cấp nước sinh hoạt xã Ninh Lai, huyện Sơn Dương	x		
16	Cấp nước sinh hoạt thôn Quản, thôn Toạt và thôn Na Trang xã Hùng Lợi, huyện Yên Sơn	x		
17	Công trình cấp nước sinh hoạt khu trung tâm xã Nhân Mục, huyện Hàm Yên	x		
18	Cấp nước sinh hoạt xã Hùng Đức, huyện Hàm Yên	x		
19	Cấp nước sinh hoạt xã Thiện Kế, huyện Sơn Dương	x		
20	Nâng cấp mở rộng công trình cấp nước sinh hoạt xã Kim Bình, huyện Chiêm Hóa (Giai đoạn 2)	x		
21	Công trình cấp nước sinh hoạt thôn An Nghĩa, xã Tân Thịnh, huyện Chiêm Hóa	x		
22	Cấp nước sinh hoạt xã Kiến Thiết và thôn đồng cầu, Bình Ca 2, xã Tứ Quận, huyện Yên Sơn	x		
23	Công trình cấp nước và vệ sinh cho các trường học	x		

Bảng V-3: Giới và Dân tộc thiểu số:

#	Kết quả mong đợi	Chỉ số	Ngành nước	Ngànhy tế	Ngànhgiáo dục	Tổng
1	NÂNG CAO NĂNG LỰC	Số người được đào tạo	45	647	144	836
		Số người tham gia là nữ	6	261	109	376
2		% người tham gia là nữ	13%	40,3%	75,7%	45,0
		Số người tham gia là DTTS	30	132	57	219
3		% người tham gia là DTTS	67%	20,4%	39,6%	26,2
		# phụ nữ là giảng viên, tuyên truyền viên	0		2	

STT	Cấp nước	Thông tin về công trình	Thâm vấn cộng đồng về vận hành bảo dưỡng công trình và các tác động đền bù nếu có	Tham vấn cộng đồng về thiết kế, giá nước và đóng góp của hộ dân	Trao quyền cho phụ nữ*

	Chỉ số	Số hộ đấu nối	Số hộ có nữ làm chủ hộ	Số hộ DTTS	Số người tham dự	Số người tham gia là nữ	% phụ nữ tham gia	Số người tham gia là DTTS	% người DTTS tham gia	Số người tham dự	Số người tham gia là nữ	% phụ nữ tham gia	Số người tham gia là DTTS	% người DTTS tham gia	Tổng số người trong tổ vận hành	Nữ tham gia vào tổ vận hành	% nữ tham gia vào tổ vận hành
1	Nâng cấp mở rộng công trình nước sinh hoạt xóm 7, 10 và các cơ quan trường học xã Lang Quán, huyện Yên Sơn	334	25	217	75	28	37%	45	60%	75	28	37%	45	60%	0	0	0
2	Nâng cấp mở rộng công trình nước sinh hoạt xã Bình Xa, huyện Hàm Yên	695	56	451	79	20	25%	45	57%	79	20	25%	45	57%	0	0	0
3	Nâng cấp mở rộng công trình nước sinh hoạt xã Kim Bình, huyện Chiêm Hóa	231	17	150	68	22	33%	58	85%	68	22	33%	58	85%	0	0	0
4	Nâng cấp, mở rộng công trình cấp nước sinh hoạt xã Đông Lợi, huyện Sơn Dương	760	60	494	82	41	50%	53	65%	82	41	50%	53	65%	0	0	0
5	Nâng cấp, mở rộng công trình cấp nước sinh hoạt xã Thái Hòa, xã Đức Ninh, huyện Hàm Yên	600	40	390	75	30	40%	56	75%	75	30	40%	56	75%	0	0	0
6	Nâng cấp, mở rộng công trình cấp nước tập trung xã Minh Quang, xã Trung Hà, huyện Chiêm Hóa	406	25	263	35	12	35%	26	73%	35	12	35%	26	73%	0	0	0
7	Nâng cấp, mở rộng công trình cấp nước sinh hoạt thôn Coóc, thôn Đồng Trang và thôn Yểng xã Hùng Lợi, huyện Yên Sơn	281	9	91	38	17	45%	32	85%	38	17	45%	32	85%	0	0	0
8	Nâng cấp, mở rộng công trình cấp nước tập trung xã Thổ Bình, xã Lăng Can, huyện Lâm Bình	1,378	85	844	37	11	30%	18	48%	37	11	30%	18	48%	0	0	0
9	Nâng cấp, mở rộng công trình cấp nước sinh hoạt xã Phúc Ninh, Quý Quân, Lực hành, huyện Yên Sơn	322	23	209	35	12	34%	20	57%	35	12	34%	20	57%	0	0	0

10	Nâng cấp, mở rộng công trình cấp nước sinh hoạt xã Tân An, xã Hà Lang, huyện Chiêm Hóa	880	59	572	37	11	29%	29	79%	37	11	29%	29	79%	0	0	0
11	Nâng cấp, mở rộng công trình cấp nước xã Yên Hoa, xã Đà Vị, huyện Na Hang	828	65	538	39	17	43%	20	52%	39	17	43%	20	52%	0	0	0
12	Nâng cấp mở rộng công trình cấp nước sinh hoạt xã Tân Tiến, huyện Yên Sơn	500	10	325	33	16	50%	13	39%	33	16	50%	13	39%	0	0	0
13	Nâng cấp, mở rộng công trình cấp nước sinh hoạt xã Nhữ Khê, xã Nhữ Hán, xã Hoàng Khai, huyện Yên Sơn	676	52	439	34	14	41%	15	45%	34	14	41%	15	45%	0	0	0
14	Cấp nước sinh hoạt thôn Cây Chanh 1, thôn Cây Chanh 2, xã Đức Ninh, huyện Hàm Yên	157	13	102	70	41	58%	48	69%	70	41	58%	48	69%	0	0	0
15	Cấp nước sinh hoạt xã Ninh Lai, huyện Sơn Dương	1,341	77	871	35	24	68%	31	89%	35	24	68%	31	89%	0	0	0
16	Cấp nước sinh hoạt thôn Quân, thôn Toạt và thôn Nà Trang xã Hùng Lợi, huyện Yên Sơn	177	8	115	27	9	35%	15	55%	27	9	35%	15	55%	0	0	0
17	Công trình cấp nước sinh hoạt khu trung tâm xã Nhân Mục, huyện Hàm Yên	500	27	325	33	29	88%	27	81%	33	29	88%	27	81%	0	0	0
18	Cấp nước sinh hoạt xã Hùng Đức, huyện Hàm Yên	257	21	167	35	17	48%	14	39%	35	17	48%	14	39%	0	0	0
19	Cấp nước sinh hoạt xã Thiện Kế, huyện Sơn Dương	320	15	208	30	11	37%	16	53%	30	11	37%	16	53%	0	0	0
20	Nâng cấp mở rộng công trình cấp nước sinh hoạt xã Kim Bình, huyện Chiêm Hóa (Giai đoạn 2)	469	38	328													
21	Công trình cấp nước sinh hoạt thôn An Nghĩa, xã Tân Thịnh, huyện Chiêm Hóa	165	11	107	35	6	18%	30	88%	35	6	18%	30	88%	0	0	0

22	Cấp nước sinh hoạt xã Kiến Thiết và thôn đồng cầu, Bình Ca 2, xã Tứ Quận, huyện Yên Sơn	490	33	318	36	17	47%	13	35%	36	17	47%	13	35%	0	0	0
	Toàn tỉnh	11,767	769	7,524	1,000	419	43%	636	62%	1,000	419	43%	636	62%	0	0	0

VI. MÔI TRƯỜNG

(a) Số lượng cán bộ được bổ nhiệm của PCERWASS chịu trách nhiệm về các khía cạnh môi trường của chương trình: 01
(b) Số lượng cán bộ được bổ nhiệm của Sở Y tế chịu trách nhiệm về các khía cạnh môi trường của chương trình: 01
(c) Báo cáo tiểu dự án (sử dụng bảng dưới đây)

Từ tới (giai đoạn báo cáo)	Số tiểu dự án.....						
tháng/năm ……tháng/năm	Nghiên cứu khả thi/thiết kế đã hoàn thành	ĐTM/KHBVMT được chuẩn bị	ĐTM/KHBVMT được phê duyệt	Giấy phép khai thác nước	Giấy phép xả nước	Quy tắc thực hành về môi trường được đưa vào tài liệu đấu thầu	Môi trường Giám sát đưa vào báo cáo tiến độ
Số lượng công trình cấp nước sử dụng nước mặt	16			Yêu cầu: .... Nộp:. Đang trờ cấp phép Cấp: …	Yêu cầu: .... Nộp: … Không Cấp: …	Có	Có
Số lượng công trình cấp nước và vệ sinh nông thôn sử dụng nước ngầm	17			Yêu cầu: .... Nộp: Đang trờ cấp phép Cấp: …	Yêu cầu: .... Nộp: … Không Cấp: …	Có	Có
Số lượng công trình cấp nước và VS nông thôn sử dụng nước mặt	-	-	-	Yêu cầu:... Nộp:. Cấp: …	Yêu cầu:...Nộp:. Cấp: …	-	-
Số lượng công trình cấp nước và vệ sinh sử dụng nước ngầm	-	-	-	Yêu cầu:....Nộp:. Cấp: …	Yêu cầu:... Nộp:. Cấp: …	-	-
Số lượng đào tạo về môi trường được tiến hành trong giai đoạn báo cáo	-						
Thuyết minh về loại hình và phạm vi tác động môi trường đã được thảo luận trong ĐTM/KHBVMT	Bảo vệ môi trường xung quanh bao gồm: các biện pháp chống bụi, chống ồn, xử lý chất thải và làm sạch hành lang, thực hiện các biện pháp bảo vệ để đảm bảo an toàn và vệ sinh môi trường						
Nhận xét về việc đưa các biện pháp giảm nhẹ tác động vào thiết kế kỹ thuật, ví dụ như chọn địa điểm, xử lý bùn cầu, v.v) và hồ sơ mời thầu và hợp đồng.	thực hiện các biện pháp giảm thiểu trong thiết kế kỹ thuật và các hồ sơ mời thầu mang tính chất ràng buộc của các công trình xây dựng cho các nhà thầu để bảo vệ môi trường tốt hơn.						
Nhận xét về các khía cạnh môi trường trong quá trình xây dựng: tác động, các biện pháp giảm nhẹ tác động do Nhà thầu thực hiện							

Các nhận xét khác về thông điệp môi trường trong các chiến dịch truyền thông	
Lượng nước ngầm và nước mặt được khai thác trong Chương trình	
Số khiếu nại về môi trường nhận được, mô tả quy trình thủ tục giải quyết khiếu nại và hồ sơ xử lý khiếu nại về vấn đề môi trường.	
Các nhận xét khác	

Chức danh: Phó giám đốc

Họ tên: Nguyễn Công Hàm

Chữ ký:

Ngày: 31/12/2019

CỘNG HOÀ X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
TỈNH TUYÊN QUANG